TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 08/2022/DS-ST Ngày 16-02-2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước.

2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh T.

Địa điểm kinh doanh: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Gia A.

Địa chỉ thường trú: Ấp R, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn*:* Ông Trần Văn C; sinh năm: 1964; Địa chỉ thường trú: Đường V, khóm A, phường Z, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2021 của nguyên đơn cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Dương Gia A trình bày:

Vào ngày 23/09/2018, ông Trần Văn C và ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản với nhau

nhằm mục đích để ông C nuôi tôm, do tin tưởng hợp tác làm ăn nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản.

Đến ngày 16/01/2019, Hộ kinh doanh T cùng ông Trần Văn C có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản. Trong hợp đồng, các bên xác nhận tính đến ngày 16/01/2019, ông C còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là 62.978.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì Hộ kinh doanh T bán cho bên ông C các sản phẩm gồm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú, mang nhãn hiệu Việt Hoa, Grobest, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mỗi bên. Hộ kinh doanh T giao hàng cho ông C tại kho hàng của Hộ kinh doanh T theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông C nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông C có kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông C và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì Hộ kinh doanh T không chịu trách nhiệm nữa.

Về phương thức thanh toán, trong mọi trường hợp ông C phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh T khi thu hoạch tôm, việc ông C nuôi tôm bị thất thu (tôm chết trước thời hạn thu hoạch) không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trong trường hợp ông C không thanh toán đầy đủ tiền hàng vào cuối vụ tôm, Hộ kinh doanh T có quyền cắt hàng, tại thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt Hợp đồng. Kể từ thời điểm này, ông C có trách nhiệm phải trả hết nợ cho Hộ kinh doanh T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Hộ kinh doanh T đã nhiều lần bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho ông C theo đúng đơn hàng yêu cầu. Sau khi nhận hàng ông C đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của hai bên và không có ý kiến phản đối gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận. Tuy nhiên, ông C đã không hiện đúng theo thỏa thuận ban đầu là thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho Hộ kinh doanh T sau khi thu hoạch tôm được quy định tại khoản 2.2 Điều 2 của Hợp đồng cho nên vào ngày 30/11/2019, Hộ kinh doanh T đã quyết định ngừng giao hàng, chấm dứt Hợp đồng với ông C.

Đến ngày 01/02/2020, hai bên đã tiến hành ký vào Bảng đối chiếu công nợ, theo đó, ông C xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là 196.071.000 đồng.

Mặc dù, Hộ kinh doanh T đã nhiều lần cử nhân viên liên hệ, đề nghị thanh toán nhưng ông C đều không có thiện chí hợp tác, luôn có thái độ né tránh. Hành vi cố tình không trả nợ của ông C đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Hộ kinh doanh T, gây khó khăn cho việc kinh doanh của Hộ kinh doanh T.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn C trả cho ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh T số tiền: 222.207.264 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 196.071.000 đồng.

- Tiền lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày 02/02/2020 đến ngày 10/06/2021 là 01 năm 04 tháng với số tiền là 26.136.264 đồng.

Ông C phải thanh toán thêm tiền lãi chậm trả 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) kể từ ngày 11/06/2021 cho đến ngày vụ án được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đưa ra xét xử. Hộ kinh doanh T yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền trên một lần ngay khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên Tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn C trả cho ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 196.071.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn C có trách nhiệm trả cho ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 196.071.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Quang S yêu cầu ông Trần Văn C trả cho ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh T số tiền nợ mua bán thức ăn thủy sản là 196.071.000 đồng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Cũng tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện ông ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn C trả cho ông Trần Quang S số tiền: 222.207.264 đồng, trong đó nợ gốc là 196.071.000 đồng, tiền lãi tính từ

ngày 02/02/2020 đến ngày 10/06/2021 là 26.136.264 đồng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phía ông Trần Quang S chỉ yêu cầu ông Trần Văn C trả cho ông Trần Quang S số tiền nợ gốc là 196.071.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vào ngày 23/09/2018, ông Trần Văn C và ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh T có thỏa thuận mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản với nhau nhằm mục đích để ông C nuôi tôm, do tin tưởng hợp tác làm ăn nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không lập thành văn bản. Đến ngày 16/01/2019 hai bên có lập Hợp đồng mua bán. Đến ngày 01/02/2020, hai bên đã tiến hành ký vào Bảng đối chiếu công nợ, theo đó, ông C xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là 196.071.000 đồng. Trong Hợp đồng mua bán lập ngày 16/01/2019 và Bảng đối chiếu xác nhận công nợ có chữ ký của ông Trần Văn C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông C biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện nhưng phía ông C không có văn bản trả lời và cũng không phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đó có căn cứ xác định trên thực tế giữa ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh T với ông Trần Văn C có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản. Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện. Sau khi ký Hợp đồng ông Trần Quang S đã giao cho ông Trần Văn C các sản phẩm thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của ông C. Mặc khác vào ngày 01/02/2020, ông C xác nhận còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền là 196.071.000 đồng tuy nhiên đến nay ông C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông Sưởng – Chủ hộ kinh doanh T. Xét thấy tại Điều 2 của Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết quy định *"Bên B (bên ông Trần Văn C) có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên A (bên ông Trần Quang S) khi thu hoạch tôm"* ông C đã nhận hàng của ông Sưởng, sau khi nhận hàng ông C không có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng hàng hóa, giá hàng hóa cũng không có văn bản xin chậm tranh toán nợ, đến nay tôm đã thu hoạch nhưng ông C không thực hiện việc thanh toán tiền mua hàng cho ông Sưởng nên đã vi phạm vào khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết và khoản 1 Điều 440 Bộ Luật dân sự, do đó việc Trần Quang S yêu cầu ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ còn lại 196.071.000 đồng là có căn cứ.

Về lãi suất: Do phía ông Trần Quang S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Trần Quang S được chấp nhận nên ông Trần Quang S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1Điều 440 Bộ Luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quang S - Chủ hộ kinh doanh T số tiền nợ mua hàng là 196.071.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Trần Quang S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Trần Văn C còn phải trả lãi cho ông Trần Quang S theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, đối với số tiền nợ mua hàng chậm thi hành án.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu án phí số tiền 9.803.550 đồng. Hoàn trả cho ông Trần Quang S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.555.000 đồng theo biên lai thu số 0007994 ngày 23/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

[3]. Ông Trần Quang S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Uyên